

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2014/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thống nhất chủ trương tăng cường khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 89/TTr-STC ngày 02 tháng 4 năm 2014, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 46/BC-STP ngày 17 tháng 3 năm 2014 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 85/TT-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND huyện, TP. Cà Mau;
- Báo Cà Mau;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng khối nghiên cứu tổng hợp;
- Lưu: VT, M, L20/5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Tiến Dũng**

**QUY ĐỊNH**

**Một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động  
trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường  
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2014/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ sở ngoài công lập được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa quy định tại điểm a, Khoản 2, Mục I của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (gọi chung là cơ sở thực hiện xã hội hóa);

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách xã hội hóa**

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển theo Quy định này phải thuộc Danh mục các loại hình xã hội hóa đáp

ứng các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn cơ sở thực hiện xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

## **Chương II**

### **MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA**

#### **Điều 3. Cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng**

Đối với quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có của Nhà nước, hoặc Nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng để cho thuê, giao Sở Tài chính xác định giá cho thuê, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

#### **Điều 4. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất**

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa, cụ thể như sau:

a) Miễn toàn bộ tiền sử dụng đất đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được thực hiện tại địa bàn các xã trong tỉnh;

b) Các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được thực hiện tại địa bàn các phường mức giảm 50% tiền sử dụng đất, các thị trấn mức giảm 60% tiền sử dụng đất.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này được miễn, giảm tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa cụ thể như sau:

a) Miễn toàn bộ tiền thuê đất đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được thực hiện tại địa bàn các xã và thị trấn trong tỉnh;

b) Miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm kể từ ngày dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa đi vào hoạt động và giảm 50% cho các năm tiếp theo tại địa bàn các phường trong tỉnh.

#### **Điều 5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng**

Nhà nước hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào dự án đối với các dự án xã hội hóa (bao gồm chi phí đầu tư đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước) với mức hỗ trợ bằng 30% giá trị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ CÀ MAU VÀ CƠ SỞ XÃ HỘI HÓA**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố Cà Mau**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Xác định đối tượng, loại hình được ưu đãi xã hội hóa khi trình UBND tỉnh chấp thuận đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối

với từng dự án cụ thể, làm cơ sở để các sở, ngành áp dụng hình thức ưu đãi về sử dụng đất phù hợp với Quy định này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau xác định nhu cầu các dự án xã hội hóa cần thực hiện, từ đó xác định vị trí, quy mô diện tích, loại hình dự án xã hội hóa trên từng địa bàn cấp huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án xã hội hóa của các ngành trên từng địa bàn cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau lập quy hoạch sử dụng đất cho các lĩnh vực xã hội hóa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ sở thực hiện xã hội hóa**

Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đăng ký với cơ quan Thuế khi hoạt động, làm căn cứ để xác định ưu đãi về đất đai, hạ tầng và nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Xử lý vi phạm và các vấn đề phát sinh**

1. Sau 01 năm kể từ ngày bàn giao đất tại thực địa, nếu dự án thực hiện xã hội hóa chưa triển khai xây dựng, hoặc sau 02 năm nếu dự án thực hiện xã hội hóa triển khai không đúng tiến độ, mà cơ sở thực hiện xã hội hóa không có lý do chính đáng và không được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ đầu tư được tiếp tục thực hiện dự án thì bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích thì bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; đồng thời phải nộp ngân sách nhà nước toàn bộ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất được miễn giảm theo giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với phần diện tích đất và thời gian sử dụng không đúng mục đích.

3. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án xã hội hóa theo Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, khóa VII, kỳ họp thứ 17 đã thực hiện nghĩa vụ tài chính thì tiếp tục thực hiện đúng các quy định tại Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Các vấn đề khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ; Thông tư số

135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

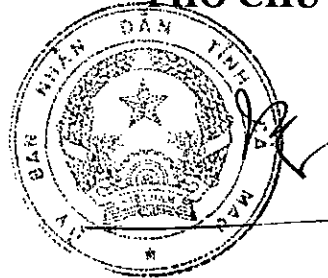
**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và thành phố Cà Mau có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Tiến Dũng**